

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Các.

Ông Trần Văn Phơ.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ L; Cư trú: đường P, khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Thạch Thanh N, Cư trú: đường P, khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần V; Địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng N1 – Chức vụ: Phó ban xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V- Chi nhánh Sóc Trăng; địa chỉ: đường T,

phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 18/4/2018 (Có mặt)

2. Ông Võ Văn T, cư trú: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 08/12/2017, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/01/2018, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ L và ông Thạch Thanh N đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; số 70/2012, quyển 01/2012. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông bà không còn hợp nhau trong cuộc sống, công việc, suy nghĩ, sự quan tâm, chia sẻ và quan hệ vợ chồng nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà L đã dọn ra ngoài ở trọ từ ngày 10/10/2017 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Từ khi ông bà xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà không có gửi đơn đề yêu cầu địa phương hòa giải về quan hệ hôn nhân của ông bà. Gia đình hai bên có biết tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông bà nhưng để cho vợ chồng ông bà tự quyết định.

Nay bà Võ Thị Mỹ L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông Thạch Thanh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông N có với nhau 01 người con chung tên Thạch Phúc K, sinh ngày 06/12/2012. Từ tháng 10/2017 cho đến nay, cháu K do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Phúc K cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Thạch Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m², tại thửa số 873, tờ bản đồ số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L vào ngày 24/4/2015 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04 m nhà và đất tọa lạc tại đường P, khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản này hiện vợ chồng ông bà đang thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần V để vay tiền. Trước đây bà L có yêu cầu chia tài sản chung nhưng sau đó bà L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận và đã được Tòa án ra Quyết định đình chỉ một phần đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L. Tại phiên tòa hôm nay bà L trình bày về tài sản chung vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có các khoản nợ sau:

Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V – chi nhánh Sóc Trăng số tiền vốn vay tính đến ngày 03/5/2018 là 45.256.000 đồng, theo 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015, tính đến ngày 03/5/2018 còn nợ số tiền vốn vay là 41.900.000 đồng; Đối với khoản vay này khi vay, ông N và bà L dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m², tại thửa số 873, tờ bản đồ số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L vào ngày 24/4/2015, đất tọa lạc tại Ngoại thương Việt Nam để thế chấp theo Hợp đồng thế chấp QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 0081/15/HĐTC/ST/TN1 ngày 08/5/2015. Đối với tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04m, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tole, nền gạch men khi thế chấp chưa có tài sản này, sau khi vay ông bà mới xây dựng căn nhà như hiện nay.

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015, người vay Thạch Thanh N, tính đến ngày 03/5/2018 còn nợ số tiền vốn vay là 1.678.000 đồng.

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015, người vay bà Võ Thị Mỹ L, tính đến ngày 03/5/2018 còn nợ số tiền vốn vay là 1.678.000 đồng.

Nợ ông Võ Văn T (anh ruột bà L) số tiền 48.000.000 đồng (không có giấy tờ vay mượn).

Về số nợ trên là nợ chung của vợ chồng nên sau khi ly hôn, bà Võ Thị Mỹ L yêu cầu, bà L sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ của ông Võ Văn T số tiền 48.000.000 đồng và khoản nợ vay tín chấp của bà L theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 số tiền vốn vay còn nợ lại là 1.678.000 đồng.

Ông N có trách nhiệm trả khoản nợ vay tín chấp của ông N theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 số tiền vốn vay còn nợ lại là 1.678.000 đồng và khoản vay có thế chấp tài sản theo Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 số tiền vốn vay còn nợ lại là 41.900.000 đồng.

Bà L đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V là được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã cam kết. Trường hợp, bà L, ông N không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, vợ chồng ông bà đồng ý để ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m², tại thửa số 873, tờ bản đồ số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L vào ngày 24/4/2015 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04

m, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tole, nền gạch men để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại các biên bản hòa giải và đơn đề nghị đề ngày 02/5/2018, bị đơn ông Thạch Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian ông bà chung sống, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bà L chỉ lo làm việc, không quan tâm chăm sóc gia đình, con cái nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn khác. Bà L đã dọn ra ngoài ở trọ từ ngày 10/10/2017 cho đến nay. Sau đó, ông N có gặp và trao đổi với bà L nhiều lần nhưng không được. Ông N nhận thấy giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, ông N xin được đoàn tụ để cùng nhau chăm lo cho con. Từ khi ông bà xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà không có gửi đơn đề yêu cầu địa phương hòa giải về quan hệ hôn nhân của ông bà. Gia đình hai bên có biết tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông bà nhưng để cho vợ chồng ông bà tự quyết định.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông N có với nhau 01 người con chung tên Thạch Phúc K, sinh ngày 06/12/2012. Ông N xin đoàn tụ, tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Phúc K cho đến tuổi trưởng thành, ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Theo ông N, do bà L đi làm thường xuyên về trễ, không có thời gian chăm sóc cho con nên ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Từ tháng 10/2017 cho đến nay, cháu K do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ông N vẫn thường xuyên gọi điện thoại hỏi thăm và tới lui thăm con.

Về tài sản chung: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà L là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có các khoản nợ sau:

+ Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V – chi nhánh Sóc Trăng số tiền vốn vay tính đến ngày 03/5/2018 là 45.256.000 đồng, theo 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015, tính đến ngày 03/5/2018 còn nợ số tiền vốn vay là 41.900.000 đồng; Đối với khoản vay này khi vay, ông N và bà L dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m², tại thửa số 873, tờ bản đồ số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố Sóc Trăng cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L vào ngày 24/4/2015, đất tọa lạc tại đường P, khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để thế chấp theo Hợp đồng thế chấp QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 0081/15/HĐTC/ST/TN1 ngày 08/5/2015. Đối với tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04m, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tole, nền gạch men khi thế chấp chưa có

tài sản này, sau khi vay ông bà mới xây dựng căn nhà như hiện nay.

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015, người vay Thạch Thanh N , tính đến ngày 03/5/2018 còn nợ số tiền vốn vay là 1.678.000 đồng.

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015, người vay bà Võ Thị Mỹ L, , tính đến ngày 03/5/2018 còn nợ số tiền vốn vay là 1.678.000 đồng.

+ Nợ ông Võ Văn T(anh ruột bà L) số tiền 48.000.000 đồng (không có giấy tờ vay mượn).

Về số nợ trên là nợ chung của vợ chồng, nay ông N đồng ý chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay tín chấp của ông N theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 số tiền vốn vay còn nợ lại là 1.678.000 đồng và khoản vay có thể chấp tài sản theo Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 số tiền vốn vay còn nợ lại là 41.900.000 đồng.

Bà L sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ vay của ông Võ Văn Tsố tiền 48.000.000 đồng và khoản nợ vay tín chấp của bà L theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 số tiền vốn vay còn nợ lại là 1.678.000 đồng.

Ông N đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V là được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã cam kết. Trường hợp, bà L, ông N không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, vợ chồng ông bà đồng ý để ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m², tại thửa số 873, tờ bản đồ số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L vào ngày 24/4/2015 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04m, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tole, nền gạch men, nhà và đất tọa lạc tại đường P, khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để ngân hàng thu hồi nợ.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 19/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:

Ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần V – chi nhánh Sóc Trăng (gọi tắt là ngân hàng) theo các hợp đồng tín dụng sau:

Ngày 11/5/2015, ông N và bà L có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 7,5%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: xây mới nhà ở gắn liền với đất; thời hạn vay: 60 tháng kể từ

ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; thời gian thu hồi nợ gốc và lãi: theo kế hoạch trả nợ mà hai bên đã ký kết vào ngày 11/5/2015. Tính đến ngày 03/5/2018, ông N và bà L còn nợ lại số tiền vốn là 41.900.000 đồng.

Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m² (trong đó thổ cư 40m²) tại thửa đất số 873, tờ bản đồ 56 tọa lạc tại đường P, khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L ngày 24/4/2015 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 0081/15/HĐTC/ST/TN1 ngày 08/5/2015. Khi thế chấp, đất là đất trống, sau khi thế chấp, bà L và ông N mới xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện trạng hiện nay.

Ngày 16/6/2015, ông Thạch Thanh N vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 9,81%/năm; lãi suất quá hạn 14,71% /năm; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; thời gian thu hồi nợ gốc và lãi: theo kế hoạch trả nợ mà hai bên đã ký kết vào ngày 16/6/2015. Tính đến ngày 03/5/2018, ông N còn nợ lại số tiền vốn là 1.678.000 đồng.

Ngày 16/6/2015, bà Võ Thị Mỹ L có vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng, theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 9,81%/năm; lãi suất quá hạn 14,71% /năm; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên; thời gian thu hồi nợ gốc và lãi: theo kế hoạch trả nợ mà hai bên đã ký kết vào ngày 16/6/2015. Tính đến ngày 03/5/2018, bà L còn nợ lại số tiền vốn là 1.678.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn của 03 hợp đồng còn nợ tính đến ngày 03/5/2018 là 45.256.000 đồng.

Do ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L xin ly hôn nên Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L cùng có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vốn vay tính đến ngày 03/5/2018 là 45.256.000 đồng. Ngân hàng đồng ý để cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, theo đó bà L sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ vay tín chấp của bà L theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 với số tiền vốn còn lại tính đến ngày 03/5/2018 là 1.678.000 đồng. Ông N sẽ có trách nhiệm trả tiền vốn vay của hai hợp đồng tín dụng còn lại tạm tính đến ngày 03/5/2018 là 43.578.000 đồng (cụ thể: Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 với số tiền 1.678.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 với số tiền 41.900.000 đồng).

Trường hợp, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo Hợp đồng

tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 thì ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m² tại thửa đất số 873, tờ bản đồ 56 tọa lạc tại khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 để ngân hàng thu hồi nợ.

Tại tờ trình ngày 03/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Trình bày:

Khoản nợ mà bà Võ Thị Mỹ L và ông Thạch Thanh N hiện đang thiếu ông Thanh là 48.000.000 đồng. Ông Thanh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ trên trong cùng vụ án này.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Võ Thị Mỹ L được ly hôn với ông Thạch Thanh N, về con chung giao cháu Thạch Phúc K cho bà Võ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, ông Thạch Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà L và ông N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ theo yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đối với khoản nợ của ông Võ Văn T do ông T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án này do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Thạch Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 bộ luật Tố Tụng dân sự, hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng ông bà không biết xây dựng hạnh phúc cho riêng mình mà để xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ nhiều lần nhưng bà L vẫn cương quyết xin ly hôn, ông N xin đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông N đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà được ly hôn với ông Thạch Thanh N.

[2] Về con chung: Bà L và ông N khai vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên Thạch Phúc K, sinh ngày 06/12/2012. Sau khi ly hôn, bà L và ông N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại bà L và ông N đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, do vậy cả bà L và ông N đều có điều kiện để trực tiếp nuôi dạy cháu K. Tuy nhiên, từ khi bà L và ông N sống ly thân (từ tháng 10/2017) cho đến nay, cháu K do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, mặt khác cháu K còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao cháu Thạch Phúc K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ông Thạch Thanh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Thạch Phúc K mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Phúc K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: bà Võ Thị Mỹ L và ông Thạch Thanh N trình bày vợ chồng có quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m², tại thửa số 873, tờ bản đồ số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L vào ngày 24/4/2015 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04m nhà và đất tọa lạc khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản này hiện vợ chồng ông bà đang thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần V để vay tiền. Nay ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung:

[4.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay theo 03 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 03/5/2018 với số tiền 45.256.000 đồng thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP V và bà L, ông N đều thống nhất là trong năm 2015, bà L và ông N có giao kết 03 hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Sóc Trăng số tiền 160.000.000 đồng, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 để vay số tiền 30.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 để vay số tiền 30.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định trên thực tế giữa Ngân hàng TMCP V – chi nhánh Sóc Trăng với ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L có giao kết 03 Hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 160.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó các hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Sau khi vay, bà L và ông N thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi vay theo đúng cam kết nhưng do bà L và ông N xin ly hôn nên Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu bà L và ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn lại theo hợp đồng. Tính đến ngày 03/5/2018, bà L, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay của 03 hợp đồng là 45.256.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù tại phiên Tòa hôm nay ông Thạch Thanh N vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2018 và tại đơn đề nghị lập ngày 02/5/2018 (gửi kèm theo đơn xin vắng mặt) ông Thạch Thanh N thống nhất với ý kiến của bà L và Ngân hàng TMCP V về việc thanh toán số nợ trên, cụ thể:

Bà Võ Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vốn và lãi vay còn lại tính đến ngày 03/5/2018 là 1.678.000 đồng theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015, thời gian trả tiền:

Ngày 15/5/2018 trả số tiền vốn vay là 833.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm) theo dư nợ gốc giảm dần.

Ngày 16/6/2018 trả số tiền vốn vay là 845.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm).

Ông Thạch Thanh N có trách nhiệm trả tiền vốn và lãi vay của hai hợp đồng tín dụng còn lại tính đến ngày 03/5/2018 là 43.578.000 đồng, cụ thể:

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 với số tiền 1.678.000 đồng, thời gian trả tiền như sau:

Ngày 15/5/2018 trả số tiền vốn vay là 833.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm) trên số tiền dư nợ gốc giảm dần.

Ngày 16/6/2018 trả số tiền vốn vay là 845.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm).

Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 với số tiền 41.900.000 đồng, thời gian trả tiền như sau: trả dần vào ngày 15 tháng 3 hàng tháng với số tiền vốn vay là 1.660.000 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận

trong hợp đồng trên số tiền dư nợ gốc giảm dần. Riêng kỳ cuối cùng thanh toán vào ngày 11/5/2020 với số tiền vốn vay là 2.060.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự thể hiện sự tự nguyện của họ và không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kể từ ngày 03/5/2018, ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L còn phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay cho Ngân hàng.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 0081/15/HĐTC/ST/TN1 ngày 08/5/2015 thì thấy, bà Võ Thị Mỹ L và ông Thạch Thanh N đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m² (trong đó thổ cư 40m²) tại thửa đất số 873, tờ bản đồ 56 tọa lạc tại khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L ngày 24/4/2015 để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP V. Hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 diện tích là (5,0m x 8,04m), kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái tol, nền gạch men của vợ chồng bà L, ông N thì thấy mặc dù căn nhà này được xây dựng sau khi thế chấp nhưng Ngân hàng và vợ chồng bà L, ông N, đều đồng ý trong trường hợp ông N và bà L không có khả năng thanh toán nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp và căn nhà gắn liền trên đất để Ngân hàng thu hồi nợ. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V, ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L, đến hạn thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 mà ông N không thanh toán nợ vay theo Hợp đồng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m² tại thửa đất số 873 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 của vợ chồng bà L, ông N, để Ngân hàng thu hồi nợ.

[4.2] Xét khoản nợ của ông Võ Văn T với số tiền 48.000.000 đồng thì thấy, mặc dù bà L và ông N thống nhất thỏa thuận, bà L sẽ có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay này nhưng do ông T không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 950.000 đồng, bà L và ông N mỗi người phải chịu số tiền 475.000 đồng. Sau khi bà L và ông N nộp thì giao trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng xong.

[6] Về án phí: bà Võ Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: bà L và ông N mỗi người phải chịu án phí

trên số tiền mà mỗi người có nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể bà L phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ông N phải chịu số tiền 2.178.900 đồng.

Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 715, Điều 717 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng khoản 1 Điều 37, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Mỹ L được ly hôn ông Thạch Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Phúc K, sinh ngày 06/12/2012 cho bà Võ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, hiện cháu K do bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Thạch Thanh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Thạch Phúc K mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Phúc K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung:

4.1. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Thạch Thanh N, bà Võ Thị Mỹ L, cụ thể:

4.1.1. Bà Võ Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vốn và lãi vay còn lại tính đến ngày 03/5/2018 là 1.678.000 đồng theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0416/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015, thời gian trả tiền:

- Ngày 15/5/2018 trả số tiền vốn vay là 833.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm) theo dư nợ gốc giảm dần.

- Ngày 16/6/2018 trả số tiền vốn vay là 845.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm).

4.1.2. Ông Thạch Thanh N có trách nhiệm trả tiền vốn và lãi vay của hai hợp đồng tín dụng còn lại tính đến ngày 03/5/2018 là 43.578.000 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0410/15/HĐTD/ST/TN1 ngày 16/6/2015 với số tiền 1.678.000 đồng, thời gian trả tiền như sau:

+ Ngày 15/5/2018 trả số tiền vốn vay là 833.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm) trên số tiền dư nợ gốc giảm dần.

+ Ngày 16/6/2018 trả số tiền vốn vay là 845.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn là 9,81%/năm (lãi suất quá hạn là 14,71%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 với số tiền 41.900.000 đồng, thời gian trả tiền như sau: trả dần vào ngày 15 tháng 3 hàng tháng với số tiền vốn vay là 1.660.000 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng trên số tiền dư nợ gốc giảm dần. Riêng kỳ cuối cùng thanh toán vào ngày 11/5/2020 với số tiền vốn vay là 2.060.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Kể từ ngày 03/5/2018 ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L còn phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay cho Ngân hàng.

Đến hạn thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 0303/15/HĐBL/ST/TN1 ngày 11/5/2015 mà ông N không thanh toán nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 102,8 m² tại thửa đất số 873, tờ bản đồ 56 tọa lạc tại khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY do UBND thành phố S cấp cho ông Thạch Thanh N và bà Võ Thị Mỹ L ngày 24/4/2015 và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5,0m, chiều dài 8,04m, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tole, nền gạch men, nhà và đất tọa lạc tại khóm D, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để Ngân hàng thu hồi nợ.

4.2. Đối với khoản nợ của ông Võ Văn T với số tiền 48.000.000 đồng do ông T không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí dân

sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008636 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

Ông Thạch Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.178.900 đồng.

Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.382.513 đồng theo biên lai thu số 0000185 ngày 25/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 950.000 đồng, bà L và ông N mỗi người phải chịu số tiền 475.000 đồng. Sau khi bà L và ông N nộp thì giao trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng xong.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Cơ quan đăng ký KH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên